



NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA NGUYỄN VĂN VĨNH VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN BÁO CHÍ TIẾNG VIỆT VÀ TRUYỀN BẢ CHỮ QUỐC NGỮ

Nguyễn Thị Lệ Hà*

1. Vài nét về thân thế của Nguyễn Văn Vĩnh

Nguyễn Văn Vĩnh sinh ngày 30 tháng 4 năm Nhâm Ngọ (tức ngày 15 – 6 – 1882), tại số nhà 46 phố Hàng Giấy, Hà Nội, nguyên quán làng Phụng Dực, thuộc phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông (nay là huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội). Ông xuất thân trong một gia đình nông dân nghèo, đông con ở vùng đồng chiêm trũng, quanh năm đói kém, nên bố mẹ ông phải bỏ quê ra Hà Nội kiếm sống. Tám tuổi, ông làm nghề kéo quạt ở trường thông ngôn của Pháp mở tại đình Yên Phụ.

Năm 11 tuổi, nhờ chăm chỉ và ham học, ông được Hiệu trưởng D'Argence đồng ý cho dự thi tuyển vào lớp thông ngôn tập sự ngạch Toà công sứ, niên khoá 1893 – 1895. Ông đỗ thứ 12 trong tổng số 40 học sinh. Sau đó ông đã đỗ thủ khoa khi mới 13 tuổi và được tuyển làm phiên dịch của Toà công sứ Lào Cai, Toà công sứ Hải Phòng, sau lại làm thông ngôn ở Toà công sứ Bắc Giang (từ 1902 – 1905).

Ngoài công việc chính ở Toà công sứ, Nguyễn Văn Vĩnh còn là cộng tác viên của hai tờ báo tiếng Pháp *Courrier de Hai Phong* và *Tribune Indochinoise* của Schneider¹. Chính nhờ những hoạt động năng nổ, Nguyễn Văn Vĩnh được viên Công sứ Bắc Giang Hauser tuyển làm thư ký riêng. Cho nên khi Hauser được cử về làm Đốc lý Hà Nội, ông cũng đưa Nguyễn Văn Vĩnh về theo.

Đầu thế kỷ XX, tình hình thế giới có nhiều biến đổi: phong trào “châu Á thức tỉnh” nổi lên; Nhật thắng Nga trong chiến tranh Nga – Nhật (1904 – 1905). Ở trong nước, phong trào Đông du, phong trào Duy tân phát triển rầm rộ. Trước tình hình này, sau khi được bổ nhiệm làm Toàn quyền Đông Dương, P. Beau nhận

* Viện Sử học, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

thấy cần cải cách nền giáo dục Việt Nam để có thể theo kịp được những biến động xã hội, đồng thời chú ý đến các công việc từ thiện nhằm xoa dịu sự phản kháng của nhân dân trước chính sách hà khắc của chính quyền thuộc địa. Toàn quyền P. Beau giao nhiệm vụ cho Đốc lý Hauser trực tiếp vận động và giúp đỡ người Việt làm đơn và thảo điều lệ xin phép lập các trường, các hội, rồi dịch ra tiếng Pháp để đệ trình lên Phủ thống sứ. Nguyễn Văn Vĩnh được Hauser tin nhiệm và giao cho đảm trách toàn bộ công việc này. Chính vì vậy, Nguyễn Văn Vĩnh là sáng lập viên của các hội, các trường được thành lập ra lúc bấy giờ, trong đó tiêu biểu là:

- Hội Trí Tri ở 59 phố Hàng Quạt, Chủ hội là ông Nguyễn Liên. Nguyễn Văn Vĩnh là sáng lập viên, đồng thời là Chủ tịch Ban diễn thuyết và giảng sách mỗi tuần một lần cùng với ông Nghiêm Xuân Quảng và Trần Tấn Bình là uỷ viên.

- Trường Đông Kinh nghĩa thực thành lập năm 1907 ở phố Hàng Đào, Nguyễn Văn Vĩnh là người thảo điều lệ và viết đơn xin thành lập, đồng thời là giáo viên giảng dạy tiếng Pháp, dạy cách viết văn và diễn thuyết.

- Thành lập “Hội dịch sách”, “Hội giúp đỡ người Việt đi sang Pháp học trung, đại học và kỹ thuật”, cùng nhiều trường, nhiều hội khác...

Năm 1906, Pháp mở Hội chợ thuộc địa tại thành phố Marseille. Đốc lý Hauser được giao tổ chức gian hàng Bắc Kỳ. Đốc lý Hauser đã rất tin tưởng Nguyễn Văn Vĩnh và giao tất cả công việc từ thu thập sản phẩm hàng hoá, thiết kế trưng bày đến tuyển thợ đi Marseille dựng gian hàng. Đồng thời, ông được giao quản lý luôn gian hàng Hội chợ thuộc địa từ tháng 3 đến tháng 8 năm 1906, khi đó ông mới 24 tuổi.

Hội chợ thuộc địa kết thúc, Nguyễn Văn Vĩnh ở lại Marseille một tháng, được Đốc lý Hauser đưa đi tham quan nhà in và báo *Revue de Paris*, Nhà xuất bản Hachette, Nhà xuất bản Từ điển Larousse.

Năm 1907, Nguyễn Văn Vĩnh là người Việt Nam đầu tiên gia nhập Hội Nhân quyền Pháp.

Sau khi về nước, ông xin nghỉ việc và cùng với một người Pháp tên là Dufour thành lập nhà in. Ông cùng với Phan Kế Bính dịch và xuất bản hai tác phẩm đầu tiên là *Tam quốc* và *Truyện Kiều*. Trong *Lời tựa* của cuốn *Truyện Kiều*, ông đã đưa ra câu nói nổi tiếng: “Nước Nam ta mai sau này hay hay dở cũng ở chữ quốc ngữ”. Câu nói này đã trở thành lời kêu gọi của các nhà truyền bá chữ quốc ngữ đầu thế kỷ XX, nó được in trên tất cả các bìa sách do nhà in của Nguyễn Văn Vĩnh xuất bản. Đồng thời, đây cũng là mục đích trong suốt cuộc đời làm báo và xuất bản của ông. Từ đó, Nguyễn Văn Vĩnh chuyển hẳn sang nghề làm báo và xuất bản. Ông đã quyết định “tự cách tân” mình, bỏ tóc búi tó, khăn xếp, bỏ áo dài, mặc quần áo theo kiểu Âu, đội mũ cát két, cắt tóc ngắn, đi giày da, dùng xe mô tô mang từ Pháp về. 1907 là năm đầu tiên ông thực sự bước vào làng báo với nhiều

bút danh khác nhau như: Tân Nam Tử, Đào Thị Loan, V, Bản Quán... tùy theo từng thể văn.

Bên cạnh đó, ông cũng là hội viên rất tích cực của hai hội lớn là Trí Tri và Khai trí tiến đức. Song song với công việc mà cả cuộc đời ông say mê kể trên, ông còn tham gia hoạt động chính trị, làm Ủy viên Hội đồng Thành phố Hà Nội khi mới 25 tuổi (1907), trong nhiều khoá liên tiếp làm hội viên Hội đồng Tư vấn Bắc Kỳ (tức Viện Dân biểu) từ năm 1913, và thành viên của Đại hội đồng Kinh tế Tài chính Đông Dương (cơ quan tư vấn tối cao về kinh tế của Chính phủ Liên bang Đông Dương). Ông còn tham gia Hội Nhân quyền Pháp tại Việt Nam và Hội Tam điểm Quốc tế.

Có thể nói, Nguyễn Văn Vĩnh là một trong số rất ít người Việt Nam lúc đó tham gia vào tất cả các tổ chức tư vấn của chính quyền Pháp. Chính vì thế, một số người cho rằng ông hoàn toàn phục vụ cho quyền lợi của thực dân Pháp. Nhưng có một thực tế là ông đã hai lần từ chối Bắc Đẩu bội tinh, một huân chương mà người Việt và người Pháp thời ông đều mơ ước.

Nguyễn Văn Vĩnh là một trong những người Việt Nam đầu tiên tiếp nhận văn hoá Âu Tây và tích cực truyền bá vào Việt Nam. Chính ông là một trong những người đánh những tiếng trống đầu tiên mở màn cho việc phát triển báo chí tiếng Việt, một nghề hoàn toàn mới đối với người Việt Nam đầu thế kỷ XX. Đồng thời, ông cũng là một trong những người có công lớn nhất cho cuộc cách mạng chữ quốc ngữ. Chữ quốc ngữ thời kỳ này được rất ít người chấp nhận sử dụng, trong khi đó chữ Hán, chữ Nôm đã tồn tại lâu đời và được tất cả mọi người chấp nhận như là một thứ chữ truyền thống.

2. Những đóng góp của Nguyễn Văn Vĩnh với việc phát triển báo chí tiếng Việt

Cho đến nay, phần lớn các tác giả khi nghiên cứu về Nguyễn Văn Vĩnh đều cho rằng ông là người thông minh, có tài và đặc biệt xuất sắc trong nghề làm báo và xuất bản. Có thể nói, Nguyễn Văn Vĩnh là người làm chủ nhiệm, chủ bút nhiều nhất trong lịch sử báo chí Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX.

Ông chính thức làm chủ bút tờ *Đăng Cổ tùng báo* số ra đầu tiên ngày 28 – 3 – 1907, thay cho tờ *Đại Nam Đồng văn nhật báo*. Tờ *Đăng Cổ tùng báo* chỉ tồn tại được 9 tháng, đến ngày 14 – 11 – 1907 thì ngừng hẳn. Sau khi tờ *Đăng Cổ tùng báo* đình bản, ông chủ trương ra tờ báo tiếng Pháp *Notre Journal* (1908 – 1909). Một năm sau, vào năm 1910, ông lại ra tờ *Notre Revue* nhưng cũng chỉ tồn tại được 12 số, và cùng năm đó ông làm chủ bút tờ *Lục Tỉnh tân văn* ở Sài Gòn.

Đầu năm 1913, ông ra Hà Nội làm chủ bút tuần báo *Đông Dương tạp chí*, số đầu ra ngày 15 – 5 – 1913. Năm 1915, ông kiêm làm chủ bút luôn cả tờ *Trung Bắc tân văn*. Từ đây, tờ *Đông Dương tạp chí* chỉ chuyên về những bài đại luận, bài văn

chương, bài sư phạm, còn những bài thời sự và tạp luận thì chuyển hết sang tờ *Trung Bắc tân văn*. Cả 3 tờ báo tiếng Việt mà Nguyễn Văn Vĩnh làm chủ bút đều do một người Pháp là Schneider sáng lập. Năm 1919, tuần báo *Đông Dương tạp chí* một lần nữa được đổi thành *Học báo* vẫn do ông làm chủ nhiệm. *Học báo* là chuyên san về những vấn đề sư phạm, nhằm giúp các giáo viên dạy tốt và đặt ra phương pháp mới để dạy chữ quốc ngữ. Cùng năm, ông mua lại tờ *Trung Bắc tân văn* và cho xuất bản nhật báo. Đây là tờ nhật báo đầu tiên ở Bắc Kỳ trong lịch sử báo chí Việt Nam.

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới cuối những năm 20, đầu những năm 30 của thế kỷ XX đã ảnh hưởng trực tiếp đến tất cả các lĩnh vực. Ngành báo chí và kinh doanh nhà in của Nguyễn Văn Vĩnh cũng không tránh khỏi những khó khăn. Báo, sách in ra không phát hành được. Mặt khác, do tình hình chính trị trong nước giai đoạn này có những thay đổi lớn với phong trào cách mạng lên cao và sự ra đời của Đảng Cộng sản Đông Dương, chính quyền thuộc địa Pháp cũng kiểm duyệt gắt gao báo chí tiếng Việt. Năm 1931, ông cho ra tờ báo tiếng Pháp *L'Annam Nouveau* (An Nam mới). Ông làm chủ nhiệm kiêm chủ bút cho tới năm 1936. Trong 30 năm tròn, ông vừa là một cây bút viết một cách say mê trong tất cả mọi lĩnh vực, vừa là người quản lý nhà xuất bản.

Trong 30 năm làm báo, Nguyễn Văn Vĩnh đã viết một khối lượng bài viết khổng lồ thuộc nhiều lĩnh vực, nhiều thể loại, đăng trên các báo do ông làm chủ nhiệm, chủ bút hoặc trên nhiều tờ báo ra cùng thời. Điều đặc biệt của Nguyễn Văn Vĩnh là ông có thể viết một lúc nhiều thể loại báo chí khác nhau mà vẫn đưa được vào trong các tác phẩm của mình sự uyên bác, thông tuệ của một người trí thức mẫn cảm với thời cuộc: "... viết luôn một bài xã thuyết cho báo *L'Annam nouveau*, thảo một bức thư cho viên Toàn quyền Pháp đưa xuống dưới nhà đánh máy luôn, dịch miêng *Tê Lê Mạc phiêu lưu ký* cho Đông Lĩnh Dương Phượng Dực ngồi ám tả, trong khi chính ông lại quay sang nói chuyện với ông Tụng về chuyện thống sứ Pháp "có ý muốn giúp ông tiền bất cứ lúc nào, bao nhiêu cũng được", miễn là ông tạm gác ý kiến đả kích Pháp và ngưng chống nhà vua"².

Nguyễn Văn Vĩnh là một nhà báo đa tài. Ông có thể viết tin, nghị luận (xã thuyết), làm thơ, khảo cứu, phóng sự và dịch tiểu thuyết. Ở bất cứ chuyên mục nào, những bài viết của ông cũng đều sắc sảo, thể hiện được trình độ học thức sâu và tầm nhìn rộng. Nhưng một trong những sở trường của Nguyễn Văn Vĩnh là báo nghị luận. Do thời kỳ ông viết báo chưa có một hệ thống lý thuyết phân định rạch ròi thể loại báo chí nên có thể liệt báo nghị luận gồm các bài viết (theo lối gọi khi ấy) xã thuyết, luận thuyết và một số bài có khuynh hướng thể loại giống như nhân đàm, phiếm luận trên báo chí Việt Nam sau này. Những bài viết nghị luận của ông tương đối ngắn, nội dung phong phú, đề cập đến các vấn đề trong xã hội, từ chính trị, kinh tế đến các phong tục tập quán của người dân...

Với bút danh Tân Nam Tử, Nguyễn Văn Vĩnh đã viết nhiều bài nghị luận về các vấn đề khác nhau đăng ngay từ những số đầu tiên của tờ *Đăng Cổ tùng báo* như: *Tại người hay tại đất?* (nói về thói lười biếng dẫn tới nghèo đói), số 2; *Thói tệ* (nói về lối sống thờ ơ không quan tâm đến nhau trong các đô thị), số 6; *Phận làm dân* (kêu gọi người dân thực hiện quyền bầu người đại diện trong nghị viện), số 17; *Chết về gạo* (về sự độc canh cây lúa mà dân vẫn đói), số 26; *Hội Kiếp Bạc* (về thói mê tín buôn thần bán thánh ở các đền chùa), số 28. Ngay ở số 2 trên *Đông Dương tạp chí*, Nguyễn Văn Vĩnh đã có bài *Học hành* (nói về thói học vẹt, không sáng tạo trong tiếp thu kiến thức); *Luận về việc du học* (nói về sự cần thiết phải cử người đi du học nước ngoài), số 30... Trong những bài nghị luận của mình, bên cạnh những luận điểm, dẫn chứng để so sánh, phân tích các vấn đề nêu ra, Nguyễn Văn Vĩnh còn “nhìn thấy trước” các vấn đề trong xã hội. Thực tế cho thấy, nhiều vấn đề Nguyễn Văn Vĩnh đặt ra đến nhiều thập kỷ sau, thậm chí hàng trăm năm sau người Việt Nam vẫn phải đối mặt. Nguyễn Văn Vĩnh không chỉ dừng lại ở việc đưa ra được những vấn đề xã hội mà ông còn đi sâu phân tích, mổ xẻ nguyên nhân, thực trạng và quan trọng hơn, ông còn đưa ra các giải pháp để hạn chế các mặt tiêu cực của những hiện trạng đó. Chính sự phân tích khách quan, khoa học cộng với tầm nhìn xa của một người làm báo khiến cho các bài báo nghị luận của Nguyễn Văn Vĩnh có sự bền vững với thời gian.

Tuy nhiên, Nguyễn Văn Vĩnh không chỉ viết những bài nghị luận, mà ông tham gia viết rất nhiều chuyên mục khác nhau với nhiều văn phong phù hợp với từng chuyên mục. Đồng thời giữ vai trò là chủ bút, ông có đóng góp rất lớn trong lịch sử báo chí Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX khi ông luôn chủ động thay đổi nội dung tờ báo hoặc mở ra những chuyên mục riêng với phong cách, văn phong rất riêng phù hợp với tâm lý và thị hiếu của người đọc trong từng thời kỳ. Và mỗi chuyên mục riêng đó, ông đều viết với ngữ điệu khác nhau khiến người đọc dễ tiếp thu, tiếp nhận những ý kiến, tư tưởng mà nhà báo muốn truyền đạt như chuyên mục *Nhời đàn bà*, và một loạt bài *Xét tât mình*... được đăng trên *Đăng Cổ tùng báo* và *Đông Dương tạp chí*.

Hầu hết các bài trong mục *Nhời đàn bà* trên cả *Đăng Cổ tùng báo* (20 bài) và *Đông Dương tạp chí* (53 bài) đều không có tựa đề riêng mà chỉ gộp chung lại trong mục *Nhời đàn bà* và đều ký tên Đào Thị Loan. Các bài trong mục *Nhời đàn bà* bàn đến mọi vấn đề, mọi góc cạnh trong đời sống của người phụ nữ: từ chuyện mang thai, nuôi dạy con, chăm sóc chồng con, trang phục, vệ sinh, nữ công gia chánh, đối nhân xử thế... Giọng điệu trong các bài viết của Nguyễn Văn Vĩnh ở mục này đã mở ra hơi hướng của thể loại báo chí phiếm đàm (hoặc phiếm luận, nhàn đàm...) trên báo chí quốc ngữ sau này. Nhiều bài viết trong mục *Nhời đàn bà* đã tiến đến gần hình thức của những tiểu phẩm báo chí. Với việc viết đều kỳ cho mục *Nhời đàn bà* trên *Đăng Cổ tùng báo* và *Đông Dương tạp chí*, Nguyễn Văn Vĩnh là một trong những nhà báo đầu tiên trong lịch sử báo chí Việt Nam đảm nhiệm công

việc viết chuyên mục dài ngày trên một tờ báo. Mặc dù được viết trong cả khoảng thời gian dài nhưng mỗi bài viết của ông luôn có nội dung mới, hấp dẫn người đọc. Nghiên cứu những bài viết nghị luận của Nguyễn Văn Vĩnh trên các tờ báo tiếng Việt, có thể nhận thấy một văn phong rất riêng, đặc thù cho một thể loại báo chí nghị luận. Đây là đóng góp rất lớn của Nguyễn Văn Vĩnh với việc phát triển báo chí tiếng Việt. Báo chí Việt Nam sau này đã có sự thừa hưởng thành quả mà Nguyễn Văn Vĩnh đã vô tình hay hữu ý để lại.

Bên cạnh chuyên mục *Nhời đàn bà*, Nguyễn Văn Vĩnh còn viết 19 bài *Xét tật mình* đăng nhiều kỳ thành hẳn một mục độc lập trên *Đông Dương tạp chí* nêu lên tất cả những tật xấu của quan lại và người dân Việt Nam như: *Tính ỷ lại trong cuộc sống*, số 8; *Coi ăn uống là việc quan trọng hàng đầu*, số 10; *Ăn mặc suồng sã hờ hênh*, số 14; *Lỗi học cổ hủ thông qua tiếng Trung Hoa, tác hại đến hoạt động trí tuệ của dân tộc*, số 16; *Lợi dụng đau khổ của đồng bào để trục lợi*, số 17... Mục đích của ông khi viết một loạt bài này là nhằm làm cho nhân dân nhanh chóng vứt bỏ những thói tục xấu, tiếp thu những tri thức mới của phương Tây. Để có được những bài viết phản ánh được đúng thực trạng xã hội đòi hỏi nhà báo phải có tri thức và phong văn hoá rộng, nhưng điều quan trọng là tác giả phải dũng cảm viết đúng sự thật. Những sản phẩm để lại qua 30 năm làm báo và xuất bản của Nguyễn Văn Vĩnh đã minh chứng được: Ông hội tụ được đầy đủ những tố chất của một nhà báo tài ba, chân chính và ông xứng đáng là một tấm gương sáng cho nhiều thế hệ nhà báo học tập.

Có thể thấy rằng theo dòng thời gian từ *Đăng Cổ tùng báo*, *Đông Dương tạp chí* đến *Trung Bắc tân văn*, bút lực của Nguyễn Văn Vĩnh ngày càng trở nên sắc sảo, đa dạng. Không chỉ làm công việc của một người quản lý tờ báo, ông còn đảm nhiệm viết rất nhiều mục, nhiều thể loại trên báo của mình. Đặc biệt, những bài báo nghị luận của Nguyễn Văn Vĩnh dù được viết dạng “chính thống” với giọng điệu nghiêm túc, chuẩn mực hay dưới dạng “phá cách” như trong mục *Nhời đàn bà*, *Xét tật mình*... đều có một phong cách riêng biệt và trở thành một trong những hình mẫu về thể loại báo chí nghị luận mà báo chí quốc ngữ đã dựa vào đó để hình thành và phát triển trong nhiều năm sau này.

Một trong những đóng góp của Nguyễn Văn Vĩnh trong việc phát triển báo chí tiếng Việt ở chỗ ông là một trong những người đi tiên phong trong việc viết phóng sự. Qua hai phóng sự *Từ triều đình Huế trở về* và *Một tháng với những người đi tìm vàng* (đang viết dở thì ông mất) được đăng trên tờ *L'Annam nouveau*. Tuy chưa hẳn đã là những hình mẫu chuẩn mực của phóng sự nhưng rõ ràng đây là những bài đầu tiên mang đậm dấu ấn thể loại phóng sự mà nhiều nhà báo sau này đã vận dụng và tiếp tục sáng tạo trong nền báo chí tiếng Việt.

Một đóng góp rất quan trọng khác của Nguyễn Văn Vĩnh trong lịch sử báo chí tiếng Việt là với vai trò chủ bút *Đông Dương tạp chí*, ông đã cho đăng rất nhiều công trình dịch thuật các tác phẩm văn chương đặc sắc của nước ngoài. Nhưng

người có nhiều công trình dịch thuật nhất lại chính là Nguyễn Văn Vĩnh. Ông dịch tất cả các thể loại, không chỉ riêng tiếng Pháp mà cả chữ Hán, chữ Nôm, và dịch ngược từ chữ Nôm ra chữ Pháp, nổi tiếng nhất là *Truyện Kiều*. Tìm hiểu các công trình dịch thuật của Nguyễn Văn Vĩnh đăng trên *Đông Dương tạp chí* và *Trung Bắc tân văn*, ta thấy có sự thay đổi đáng lưu ý. Lúc đầu, ông thường thiên về dịch các tác phẩm học thuật tư tưởng của các bậc danh sỹ nổi tiếng nước Pháp như Emile Zola, Pascal, nhưng dần về sau, ông chuyển sang dịch tiểu thuyết và hài kịch. Có lẽ, ông muốn thu hút nhiều người đọc báo hơn, vì đọc tiểu thuyết và hài kịch thường lôi cuốn hơn đọc tư tưởng triết học. Những tác phẩm dịch tiểu thuyết, văn xuôi, thơ... của Nguyễn Văn Vĩnh giúp cho người dân Việt Nam hiểu biết những tư tưởng mới, những điều hay của phương Tây và cũng qua những tác phẩm dịch ngược của ông mà phương Tây biết được nét đặc sắc của văn hoá Việt Nam và phương Đông. Do đó, có thể khẳng định Nguyễn Văn Vĩnh là một trong những người đầu tiên bắc chiếc cầu nối giữa hai nền văn hoá Đông và Tây. Đây là đóng góp rất lớn của Nguyễn Văn Vĩnh với nền văn hoá Việt Nam nói chung và nền báo chí nói riêng trong những năm đầu thế kỷ XX.

Nghiên cứu một cách hệ thống các tác phẩm báo chí của Nguyễn Văn Vĩnh qua từng thời kỳ (*Đăng Cổ tùng báo*, *Đông Dương tạp chí*, *Trung Bắc tân văn*), ta có thể nhận thấy sự tiến triển rõ rệt trong các bài viết, từ xây dựng cấu trúc đến tu sửa câu văn. Vì vậy, các bài viết của ông ngày càng bớt rườm rà, ngô nghê để trở nên trong sáng, giản dị và súc tích hơn.

Về cơ bản, các tác phẩm báo chí của Nguyễn Văn Vĩnh, dù với thể loại nào, đều được thể hiện bằng một *nghệ thuật báo chí bậc thầy* trong thời điểm xuất hiện. Với *tài sử dụng ngôn từ* hiếm có và một vốn văn hoá dồi dào được tích hợp trong môi trường giao thoa văn hoá Đông – Tây, Nguyễn Văn Vĩnh đã thể hiện xuất sắc các tác phẩm báo chí, mang lại cho chúng những giá trị lâu bền.

3. Những đóng góp của Nguyễn Văn Vĩnh với việc cổ vũ và truyền bá chữ quốc ngữ

Phát minh ra chữ quốc ngữ là công của các giáo sỹ phương Tây (Francisco de Pina, Gaspar do Amaral, Antonio de Barbosa, Alexandre de Rhodes). Tuy nhiên, vào thời kỳ đầu (thế kỷ XVII – XIX), chữ quốc ngữ chỉ là chữ dùng mẫu tự Latinh để thể hiện ngữ âm Việt Nam, giúp các giáo sỹ dễ dàng truyền đạo. Cho đến giữa thế kỷ XIX, rất ít người Việt Nam biết và dùng được chữ quốc ngữ. Phải đến khi Pháp chiếm 6 tỉnh Nam Kỳ thì chữ quốc ngữ mới bắt đầu được dạy và được phổ biến.

Người Việt Nam có công truyền bá chữ quốc ngữ đầu tiên là Trương Vĩnh Ký và Huỳnh Tịnh Của. Khi đó Trương Vĩnh Ký đã đem những sách đọc dễ hiểu và gần gũi với tâm lý người Việt như *Lục súc tranh công*, *Phan Trần truyện*, *Lục Vân Tiên* in ra bằng chữ quốc ngữ. Mục đích của ông là để truyền bá dễ dàng chữ quốc

ngữ trong nhân dân. Năm 1868, Trương Vĩnh Ký viết sách *Tiếng Annam thực hành, dùng cho trường thông ngôn*. Năm 1876, ông xuất bản cuốn *Sách học đánh vần quốc ngữ*. Tuy nhiên, cả hai ông lại không phát động, hô hào và làm dậy lên một phong trào học chữ quốc ngữ sâu rộng như Nguyễn Văn Vĩnh sau này ở miền Bắc. Nguyễn Văn Vĩnh và nhóm *Đông Dương tạp chí* (Nguyễn Đỗ Mục, Phan Kế Bính, Nguyễn Bá Học...) đã sớm nhận thấy chữ quốc ngữ là một thứ vũ khí lợi hại cần thiết cho dân tộc ta trong sự nghiệp phục hưng nước nhà. Nguyễn Văn Vĩnh từng nói năm 1907: “Nước ta sau này hay hay dở cũng ở chữ quốc ngữ”. Và ông đã lấy chính chữ quốc ngữ để truyền tải những điều mới lạ của văn hoá phương Tây cho đông đảo nhân dân ta, như ông đã nêu rõ tại Hội quán Trí Tri (ngày 4 – 8 – 1907): “... Nước Nam ta muốn chóng bước lên đường tiến hoá thì phải mau thu thái lấy những tư tưởng mới. Muốn cho những tư tưởng mới trong văn hoá Âu Tây truyền bá khắp trong dân gian, thì phải cần phiên dịch những sách chữ nước ngoài ra tiếng Việt Nam...”. Sáu năm sau (1913), ông lại đưa vấn đề này trên báo *Đông Dương tạp chí*: “Bản quán định đem hết những bài luận hay về các công nghệ, về việc buôn bán, dịch ra quốc văn cho người Annam được tận hưởng”³.

Từ khi bắt đầu bước vào nghề làm báo và tham gia giảng dạy ở trường Đông Kinh nghĩa thực, Nguyễn Văn Vĩnh đã cổ động nhân dân học chữ quốc ngữ. Năm 1913, trên số 2 của tờ *Đông Dương tạp chí*, ông đã cổ động nhân dân Việt Nam học chữ quốc ngữ để thay thế chữ Hán, chữ Nôm: “Mở ngay tờ nhật báo này ra mà ngẫm xem bấy nhiêu điều luận trong báo, thử nghĩ: giá thử luận bằng chữ Nho thì có mấy người đọc được, mà trong những người đọc được, thì có mấy người hiểu cho hết nghĩa. Thế mà chữ quốc ngữ, thì không những là người biết chữ quốc ngữ đọc được, hiểu được, một người đọc cả nhà nghe cùng hiểu được, từ đàn ông cho đến các bà (không dám nói đàn bà sợ các bà quở) trẻ con cũng nghe được mà chỉ với chúng ta trong cuộc luận bàn thế sự thì có phải nó vui việc ra là bao nhiêu”. Đồng thời, ông cũng cho rằng để đọc, viết được chữ quốc ngữ rất dễ “ai có ý chí vài ngày, ngu dần là một tháng cũng phải thông”⁴. Trong khi đó học chữ Nho thì phải “mất hàng nửa đời người, mà trăm người học không được một người hay, học được hay cũng chỉ ích lấy một mình, không đem ra mà dùng cho đời được nhờ cái học vấn của mình chẳng qua là một cái thú rung đùi mà thôi”⁵. Còn chữ Nôm thì dễ hơn, nhưng có cái khó là mỗi miền, mỗi người lại có cách viết và hiểu khác nhau. Do vậy nó cũng gây khó khăn cho việc học, hiểu và phổ biến rộng rãi.

Ý thức được rằng sẽ rất khó khăn nếu chỉ một mình xông xáo trong cuộc cách mạng chữ viết, truyền bá nó tới tất cả mọi người, Nguyễn Văn Vĩnh luôn vận động, kêu gọi “những bậc tài hoa, những người có học thức trong nước, phải chuyên vào nghề văn quốc ngữ”, và cả những “bậc có Pháp học, thì tuy rằng cái ngoại tài ấy phải chuyên làm cách tren – cạnh, làm mỗi kiếm ăn, nhưng hễ muốn nhân việc lập thân mà lại có ích cho cả đồng bào mình, thì phàm luyện được chút

tài nào của người, cũng nên dùng quốc văn mà phát đạt nó ra cho cả người đồng – bang được hưởng”⁶.

Thời gian đầu văn chương quốc ngữ vẫn còn vụng về, lủng củng, Nguyễn Văn Vĩnh thấy cần thiết phải khắc phục những mặt hạn chế đó để khi nói, viết diễn tả được đúng ý và chuẩn xác. Ông đã đề xuất một biện pháp đơn giản và hiệu quả là tất cả các thể loại như: báo, sách, văn chương, thơ, tiểu thuyết, nghị luận, đơn từ đến những câu đối, câu phú, lời chúc mừng bạn bè... đều phải viết bằng chữ quốc ngữ, để cho người dân làm quen dần và đồng thời cũng luyện cho người viết trôi chảy, trau chuốt hơn.

Bên cạnh việc vận động mọi người cùng tham gia cổ động và viết chữ quốc ngữ, vấn đề ngữ pháp tiếng Việt cũng được ông đưa ra bàn luận để đi đến thống nhất trong toàn quốc về cách đặt câu, cách viết, chấm phẩy, cách nói cho cả ba miền và cần phải có một thể lệ chung: “Nay bản báo lấy việc cổ động cho chữ quốc ngữ làm chủ nghĩa, tưởng cũng nên đem hết các khuyết điểm, các nơi không tiện ra mà bàn lại, chẳng dám đem cách nào mới mà xin thế vào lối cũ, sợ thiên hạ lại bảo vẽ vờ, song cũng nên bàn các nơi bất tiện ra để ai nấy lưu tâm vào đó, thì để có ngày tự dung chẳng phải ai làm mà chữ quốc ngữ tự đổi dần dần đi”⁷.

Là người từng đi dọc ba miền đất nước, Nguyễn Văn Vĩnh có điều kiện chú ý giọng nói, cách viết của ba miền và thấy có sự khác biệt nhau rõ nét như chữ *ch* với chữ *tr* ngoài Bắc không phân biệt mấy nhưng “ở Nam Kỳ thì thật có phân biệt. Như *con trâu* mà viết thành *châu* (hạt châu) thì người Nam Kỳ không hiểu... Sự này tôi đã có ý nghiệm từ Thanh Hoá vô tới Quảng Nam và ở Sài Gòn”. Hay chữ *s* với chữ *x*: ngoài miền Bắc và miền Trung thì không phân biệt hai chữ này còn người miền Nam thì “chữ *s* uốn lượn như chữ *ch* tây, còn chữ *x* thì đọc như chữ *s* tây. Chữ *gi*, chữ *d*, chữ *r* thì ở Bắc Kỳ ta không phân, còn ở Nam Kỳ và Trung Kỳ phân biệt được chắc chữ *r* mà thôi, còn *d* với *gi* cũng đọc như chữ *y*, mà không mấy người biết chắc được tiếng nào đáng viết *d* hay *gi*”⁸. Mục đích của ông khi đưa ra sự so sánh giữa ba miền là mỗi miền nên học những tiếng chuẩn của nhau, mỗi bên có thể “nhường nhịn” nhau một chút, như ngoài Bắc nên theo trong Nam mấy tiếng “*gi* thành *tr*, *d* thành *nh*, *nh* thành *l*... để dùng cho đều trong văn tự, ba miền cùng dễ hiểu cả”. Ông đã liệt kê ra một số từ:

“1. *Gi* đổi ra *tr*: *trả* để thay cho tiếng *giả*, *trai gái* – *giai*, *trăng gió* – *giăng*, *trao đổi* – *giao*, *trầu không* – *giầu*, *tro tàn* – *gio*, *trồng cây* – *giông*, *trở về* – *giở*.

2. *s* đổi ra *tr*: *trống* mái để thay cho tiếng *sống*.

3. *d* đổi ra *nh*: *mạng nhện* để thay tiếng *dện*, *nhọn* – *dọn*, *nhốt gà* – *dốt*, *nhờ bản* – *dơ*...

4. *nh* đổi ra *l*: *lạt* để thay tiếng *nhạt*, *lát* (chốc) – *nhát*, *lâm* (lần) – *nhâm*, *lẹ* – *nhẹ*...”⁹.

Theo ông, nếu mỗi miền chịu học những từ chuẩn của nhau thì chữ quốc ngữ ngày càng trở nên rõ ràng và trên văn tự có sự thống nhất trong cả nước.

Theo Nguyễn Văn Vĩnh, chữ quốc ngữ trong thời gian đầu “viết có mẹo mực lối lằng. Lối chỉ có một, không phân ra lắm cách như bây giờ, cho nên dễ nhận. Lối ấy, tất là lối của những người Âu châu sang đây trước nhất, tức là các cố đạo”. Nhưng, Nguyễn Văn Vĩnh muốn chữ quốc ngữ phải là một lối viết có luật lệ, có kinh điển để “xứng đáng làm văn chương riêng của nước Nam ta”¹⁰. Cho nên ông cho rằng sự khác biệt giữa ba miền và việc học hời hợt chữ quốc ngữ của một số người đã làm ảnh hưởng đến sự phát triển của chữ quốc ngữ, vì nhiều khi các chữ viết không đúng đã làm cho người đọc phải suy nghĩ và dễ gây hiểu sai nghĩa. Từ thực tế đó ông sợ chữ quốc ngữ dần dần “thành một lối chữ hỗn độn, không ai hiểu được nữa”¹¹. Ông đã đề nghị các quan cai trị xét trong các đơn từ nếu đơn nào viết sai lỗi chính tả thì không nhận, trừ những việc khẩn cấp. Nếu được “như thế thì chắc rằng chẳng bao lâu bắt được người Annam phải viết chữ quốc ngữ theo phép chó không viết liều được nữa”¹².

Trên *Đông Dương tạp chí*, ngay từ những số đầu năm 1913, đã có những bảng mẫu chữ cái quốc ngữ bao gồm một số nguyên âm, phụ âm, nguyên âm đôi, các vần ghép: *bơ, cơ, dơ, gơ, hơ, kơ...* và một số số đếm đơn giản từ 1 đến 9 và số 0. Bảng chữ cái viết hoa to và các chữ thường theo sau là cách phát âm khá chuẩn xác. Chúng tôi thấy đủ 23 chữ cái, 6 nguyên âm ngắn và 11 phụ âm. Cách phát âm các từ này có kèm theo tranh vẽ dễ hiểu như sách học vần của các em lớp 1 hiện nay, ví dụ: *dép* (vẽ đôi dép), *tháp* (vẽ cái tháp), *lọ* (vẽ cái lọ), *người mẹ*, *cái chợ*, *con quạ...* đều có vẽ tranh nhỏ minh họa. Đặc biệt, ở *Đông Dương tạp chí* năm 1918 còn có bài hướng dẫn cách cầm bút, cách ngồi, cách viết... Tất cả những công việc này đều có đóng góp quan trọng bậc nhất của chủ bút Nguyễn Văn Vĩnh, người đã hết lòng cho việc cổ súy chữ quốc ngữ phát triển sâu rộng trong quảng đại quần chúng nhân dân.

Để chữ quốc ngữ ngày càng hoàn chỉnh, giúp cho mọi người đọc và hiểu được dễ dàng, bên cạnh việc chỉnh sửa những chữ còn sai khi nói và viết (chính tả) thì cần phải thống nhất cách phiên âm tên đất, tên người nước ngoài khi dịch ra chữ quốc ngữ. Thông thường người dịch theo tiếng Trung Quốc, mặc dù rất dễ đọc và nhớ nhưng lại bị sai với nguyên bản, còn nếu dịch thẳng từ tiếng nước ngoài ra chữ quốc ngữ thì nhiều người lại không hiểu, còn để nguyên như bản gốc thì những người không biết tiếng nước ngoài lại không đọc được. Từ những khó khăn đó Nguyễn Văn Vĩnh đã đưa ra hai cách phiên âm: “Bao nhiêu những tên nước lớn, ai cũng biết theo tiếng Tàu rồi như là Pháp, Anh, Nga, Đức, Bỉ-lì-thì, Áo, thì cứ để tiếng biết rồi mà dùng... Còn bao nhiêu những chỗ chưa mấy biết thì dịch theo cách mới, lấy cho gần nguyên âm”, tức là “khi viết lần những tên ấy vào văn quốc ngữ thì nên viết tiếng dịch trước rồi vòng hai bên hai cái viết nguyên dạng chữ vào sau cho người đã biết tiếng Tây dễ nhận ra”¹³. Đây là một vấn đề rất cần thiết và rất thời sự đối với báo chí, xuất bản lúc bấy giờ.

Với mong muốn đưa chữ quốc ngữ nhanh chóng trở thành một chữ viết phổ thông, Nguyễn Văn Vĩnh đã tham gia viết nhiều thể loại, từ nghị luận, dịch tiểu thuyết, thơ ngụ ngôn... bằng chính chữ quốc ngữ, để chữ quốc ngữ dần hoàn chỉnh, có khả năng truyền tải được tất cả tư tưởng, tình cảm của con người. Những người không biết chữ Hán và chữ Pháp thì qua chữ quốc ngữ cũng có thể tiếp cận được những áng văn hay, những tư tưởng mới của nước ngoài. Nguyễn Văn Vĩnh còn biên soạn một quyển sách tự học chữ quốc ngữ để phát cho những người mua báo. Nguyễn Văn Vĩnh luôn tận dụng mọi điều kiện, mọi khả năng về phương diện báo chí mà mình có để có thể tuyên truyền cho chữ quốc ngữ.

Chữ quốc ngữ có tới 5 thanh: *nặng, sắc, huyền, hỏi, ngã* và những râu ở chữ *đ, ơ, ư*. Nguyễn Văn Vĩnh đã đề xướng cải cách ngay trên tờ báo do ông làm chủ bút (*Đông Dương tạp chí, Trung Bắc tân văn*), theo đó chữ *F* thay dấu huyền, chữ *W* thay dấu sắc... Sự cải cách của ông rất tiện lợi trong thời kỳ máy chữ mua của Pháp. Nhưng những việc làm đó của ông không được nhiều người cùng thời hưởng ứng. Mãi sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, và sau ngày hoà bình lập lại, ngành bưu điện Việt Nam đã áp dụng chính hệ thống “chữ quốc ngữ cải cách của Nguyễn Văn Vĩnh” trong các điện tín.

Trong số những người cùng chí hướng với ông thời gian đó như Phan Kế Bính, Trần Trọng Kim, Nguyễn Đỗ Mục, Phạm Quỳnh... thì Nguyễn Văn Vĩnh được coi là người đứng đầu phong trào cổ vũ và truyền bá chữ quốc ngữ ở Việt Nam. Ông luôn thực hiện bằng cả hai hình thức: diễn thuyết và xuất bản (hay ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết).

Với mục đích đào tạo một số người trở thành phiên dịch phục vụ cho công cuộc khai thác thuộc địa, cho nên trong chương trình giảng dạy, chữ quốc ngữ chỉ chiếm thời lượng rất ít mà phần lớn thời gian dành cho việc học chữ Pháp. Vì vậy, Nguyễn Văn Vĩnh cùng với việc truyền bá văn hoá phương Tây đã rất tích cực tuyên truyền, cổ vũ người dân học chữ quốc ngữ, dùng chữ quốc ngữ để truyền tải những cái hay, cái đẹp của nền văn minh Việt, phổ biến những tư tưởng Đông – Tây để làm cho nhân dân vừa hiểu được nền văn hoá Pháp, vừa giữ được bản sắc văn hoá dân tộc. Ông đã từng nói: “Nước Nam ta mất vì những trí thức Nho học chỉ biết làm văn Tàu. Chúng ta bây giờ đừng để trở thành những người trí thức mới chỉ biết làm văn chương Tây”¹⁴.

Chữ quốc ngữ lúc đầu rất phức tạp vì chữ có rất nhiều nguyên âm (72 nguyên âm), cho nên việc in ấn gặp rất nhiều khó khăn do các máy chữ mua của phương Tây không có nhiều dấu như vậy. Do đó, việc cải cách chữ quốc ngữ cho bớt dấu đi là rất cấp thiết và quan trọng. Nguyễn Văn Vĩnh là một trong những người đầu tiên đề xướng việc cải cách chữ quốc ngữ để tiện in ấn, xuất bản. Theo Hồ Lân Trình trong *Sự cải cách văn chữ Việt* thì “Muốn cho chủ và thợ nhà in áp dụng những tiến bộ về kỹ thuật ấn loát cho chữ Việt, thì phải cải cách chữ viết thế nào

cho ít dấu chữ chừng nào hay chừng nấy. Đi từ ý này và đưa ý đó đến chỗ cùng tột, Nguyễn Văn Vĩnh đề nghị hạn chế các dấu lại còn 26: đó là số người Anh hùng. Như vậy bất cứ máy sắp chữ mua ở thị trường nào trên thế giới cũng có thể “phụng sự” chữ Việt được. Nhưng làm sao để nhốt 72 nguyên âm Việt vào trong phạm vi chật chội của 7 nguyên âm Anh? Nguyễn Văn Vĩnh liền đề nghị hai ước lệ: thay thế một số nguyên âm bằng những nguyên âm đôi và đánh dấu giọng thấp cao bằng những phụ âm không ở cuối vần mà người sẽ để ở chót tiếng”¹⁵.

Đến năm 1918¹⁶, năm kết thúc của tờ *Đông Dương tạp chí*, đồng thời cũng là năm chữ quốc ngữ thắng lợi hoàn toàn, thì không còn ai có thể nghi ngờ khả năng của chữ quốc ngữ nữa. Chữ quốc ngữ đã có thể dịch được tất cả những áng văn hay của nước ngoài, cũng như diễn tả được những tư tưởng và cảm xúc một cách chân thực. Chữ quốc ngữ đã được sử dụng rộng rãi thay thế chữ Hán và chữ Nôm (chữ Hán bị bãi bỏ trong thi cử năm 1915 ở Bắc Kỳ, và chấm dứt trên cả nước năm 1919 ở Trung Kỳ). Từ đây chữ quốc ngữ đã trở thành thứ chữ phổ thông chiếm vị trí quan trọng và được tất cả người dân Việt Nam ưa dùng.

Để đạt được thành quả đó, những người đi tiên phong cổ vũ và cải cách chữ quốc ngữ như Nguyễn Văn Vĩnh đã trải qua rất nhiều khó khăn. Vì trong chương trình học của nước ta lúc đó, chỉ 3 năm đầu cấp tiểu học được học bằng chữ quốc ngữ; đến bậc trung học, chữ quốc ngữ chỉ còn là một môn sinh ngữ, trong khi tiếng Pháp được nâng lên trong tất cả các môn học. Và đến bậc cao đẳng, đại học thì chữ Việt mất hẳn, chỉ còn lại chữ Pháp. Đồng thời, họ phải đối đầu với ý thức hệ phong kiến lạc hậu, bảo thủ trong xã hội Việt Nam. Vì vậy việc cổ động cho việc học chữ quốc ngữ từ thành thị đến nông thôn là một việc rất vất vả. Trước thực tế đó, việc lên tiếng bảo vệ, cổ động cho chữ quốc ngữ của Nguyễn Văn Vĩnh và những người cùng chí hướng với ông là một việc làm rất đáng kể, rất đáng trân trọng.

Mặc dù chữ quốc ngữ và những người truyền bá chữ này được đặt dưới sự bảo trợ của chính quyền thuộc địa, nhưng người Pháp không thể ngờ rằng, khi loại chữ này đã trở thành chữ viết của dân chúng để truyền đạt tư tưởng và nguyện vọng, thì chính quyền thuộc địa lúc này đã không thể kiểm soát được nữa và nó đã trở thành nhân tố quan trọng trong công cuộc giành độc lập của dân tộc Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam sau này cũng nhận thấy việc truyền bá chữ quốc ngữ là một biện pháp để giáo dục quần chúng và đưa quần chúng đi theo con đường cách mạng của Đảng và Mặt trận Việt Minh tiến tới Cách mạng tháng Tám năm 1945 thắng lợi. Chữ quốc ngữ đã được giảng dạy trong tất cả các trường từ bậc tiểu học đến đại học.

4. Một vài nhận xét về Nguyễn Văn Vĩnh

Những năm cuối đời, Nguyễn Văn Vĩnh gặp nhiều khó khăn trong công việc báo chí, xuất bản lẫn trong chính trường. Từ năm 1930 trở đi, Nguyễn Văn Vĩnh đã nợ Ngân hàng Đông Dương rất nhiều tiền nên chính quyền thuộc địa Pháp buộc ông phải lựa chọn một trong ba con đường do Pháp đặt ra: một là vào Huế làm quan Thượng thư; hai là vào tù; cuối cùng, phải đi biệt xứ sang Lào tìm vàng về trả nợ. Ông đã chọn phương án thứ ba để bảo vệ nhân cách của mình, đồng thời ông cũng muốn qua chuyến đi này có thể khảo sát thêm và có điều kiện tiếp tục viết báo. Nhưng ông đã chết trong lần thứ hai đi tìm vàng trên dòng sông Sê-băng-ghi, trên một chiếc thuyền độc mộc, trong người không có lấy một đồng xu, nhưng trên tay vẫn đang cầm một quăn bút và một bài phóng sự đang viết dở *Một tháng với những người đi tìm vàng*, mà mấy bài đầu ông gửi về đăng trên tờ *L'Annam nouveau*. Ông mất vào ngày 1 – 5 – 1936.

Như phần trên đã nói, Nguyễn Văn Vĩnh lúc đầu gặp nhiều hạn chế về học hành, nhưng bù lại, ông lại có một trí thông minh tuyệt vời. Bằng nỗ lực cá nhân ông đã vươn lên và trưởng thành một cách nhanh chóng. Về chữ quốc ngữ, ông là người đóng góp nhiều và quan trọng nhất, *để có được một thứ chữ như ngày hôm nay cho chúng ta dùng*. Nguyễn Văn Vĩnh còn là người mở đầu và có đóng góp rất lớn cho một ngành mới trong những năm đầu thế kỷ XX: đó là *ngành báo chí mà bây giờ rất phát triển và quan trọng*. Đồng thời ông cũng mở đầu cho một nghề mới: nghề in ấn và xuất bản. Nghề này được phát triển nhanh chóng và trở thành nghề tối quan trọng không thể thiếu được ở các quốc gia văn minh. Nguyễn Văn Vĩnh cũng là người khởi đầu cho các thể loại như thơ mới, truyện ngắn, tiểu thuyết mà đến những năm 1930 – 1945 đạt đến đỉnh cao và giai đoạn này đã ghi được một nét sâu đậm trong lịch sử phát triển của nước nhà. Đồng thời, ông còn là người khơi nguồn và cổ động nhiệt tình cho một loại hình nghệ thuật hoàn toàn mới mẻ đối với dân tộc Việt Nam lúc đó là kịch nói và điện ảnh. Về văn hoá, ông đóng góp rất lớn trong việc truyền bá văn hoá phương Tây vào Việt Nam thông qua dịch thuật. Những tác phẩm của ông để lại bây giờ theo thống kê của con cháu ông có đến hàng ngàn cuốn sách viết, dịch và hàng vạn bài báo bằng tiếng Việt, tiếng Pháp. Có thể nói, cho đến ngày hôm nay, cái tài viết của ông gồm đủ các thể loại, với nội dung phong phú từ viết tin, dịch thơ, phóng sự, khảo cứu, dịch tiểu thuyết, dịch hài kịch..., và ít ai vượt qua được. Một khối lượng khổng lồ làm ra trong vòng 30 năm (1906 – 1936) quả thật đáng kính nể và là những tài liệu quý.

Hoàng Đạo Thuý, một trí thức yêu nước người Hà Nội, đã nhận xét về Nguyễn Văn Vĩnh: “Nguyễn Văn Vĩnh là một trong những thông ngôn đầu tiên giỏi tiếng Pháp, có học thức, tinh khôn, tài hoa, lại có óc kinh doanh. Vĩnh rất hăng hái trong việc truyền bá chữ quốc ngữ... Sau Nguyễn Văn Vĩnh kinh doanh nghề in, cải tiến nhà in, ra được nhiều sách đẹp, lại làm việc kinh doanh nữa. Đã kinh doanh thì va ngay vào các quyền lực tài chính của thực dân Pháp và bị đè bẹp”¹⁷. Khi ông mất, có rất nhiều các bậc danh tiếng thời đó như Huỳnh Thúc Kháng,

Trần Trọng Kim, Phan Bội Châu, Nguyễn Văn Tố... đã gửi tới viếng ông những câu đối, trướng, liễn với biết bao tình cảm tiếc thương và kính trọng.

Việc nghiên cứu, đánh giá về cuộc đời và sự nghiệp Nguyễn Văn Vĩnh còn cần phải đầu tư nhiều công sức và thời gian.

Bài viết này chỉ góp một phần rất nhỏ vào việc nhận định, đánh giá một số đóng góp của Nguyễn Văn Vĩnh về văn hoá như phát triển báo chí tiếng Việt và cổ vũ, truyền bá chữ quốc ngữ đầu thế kỷ XX.

CHÚ THÍCH

- ¹ Schneider ban đầu làm việc trong xưởng in của Nhà nước, sau đứng ra mở nhà in riêng. Ông là một trong những thầy dạy người Việt Nam đầu tiên bước chân vào nghề làm báo và nhà in.
- ² Vũ Bằng, *Bốn mươi năm nói láo*, NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, 2001, tr.72.
- ³ Nguyễn Văn Vĩnh, “Chủ nghĩa”, *Đông Dương tạp chí*, số 2, 1913, tr.2.
- ⁴ Nguyễn Văn Vĩnh, “Chủ nghĩa”, *Đông Dương tạp chí*, bđd, tr.2.
- ⁵ Nguyễn Văn Vĩnh, “Chữ Nho nên để hay nên bỏ”, *Đông Dương tạp chí*, số 31, 1913, tr.3.
- ⁶ Nguyễn Văn Vĩnh, “Tiếng An Nam”, *Đông Dương tạp chí*, số 40, 1914, tr.4.
- ⁷ Nguyễn Văn Vĩnh, “Chữ quốc ngữ”, *Đông Dương tạp chí*, số 33, 1913, tr.4.
- ⁸ Nguyễn Văn Vĩnh, “Chữ quốc ngữ”, *Đông Dương tạp chí*, bđd, tr.4.
- ⁹ Nguyễn Văn Vĩnh, “Cách viết chữ quốc ngữ”, *Đông Dương tạp chí*, số 82, 1914, tr.6.
- ¹⁰ *Đông Dương tạp chí*, số 51, 1914, tr.4 – 5.
- ¹¹ *Đông Dương tạp chí*, số 51, tldđ, tr.4 – 5.
- ¹² *Đông Dương tạp chí*, số 51, tldđ, tr.4 – 5.
- ¹³ Nguyễn Văn Vĩnh, “Cách dịch các tiếng tên xứ, tên người Âu châu ra chữ quốc ngữ”, *Đông Dương tạp chí*, số 67, 1914, tr.9.
- ¹⁴ Sơn Tùng, *Tiểu thuyết hoa tâm bút*, NXB Thanh niên, Hà Nội, 1998, tr.181 (trích lời ông Nguyễn Văn Vĩnh).
- ¹⁵ Hồ Lan Trinh, “Sự cải cách văn chữ Việt”, trong *Phê bình văn nghệ*, tập 1, ngày 8 – 2 – 1958. (Dẫn lại của Tân Phong Hiệp, *Nguyễn Văn Vĩnh (1882 – 1936)*, *Bách Khoa*, số 32, 1958).
- ¹⁶ Nhiều tài liệu cho rằng năm 1917 là năm kết thúc của tờ *Đông Dương tạp chí*, nhưng chúng tôi khảo sát tờ báo lại là năm 1918.
- ¹⁷ Hoàng Đạo Thuý, *Người và cảnh Hà Nội*, NXB Hà Nội, 1982, tr.242.